TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT
Ngày 14 tháng 01 năm 2022
V/v: "Tranh chấp quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân.

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 228/2019/HNGĐ-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2779/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều Q, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 1111 Phạm Văn B, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số G25 đường D3, phường Tân Thới N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Luật sư Trịnh Minh T - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Luật sư Bùi Quang N - Công ty Luật H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Luật sư Lý Trung D - Công ty Luật H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: ÔngYu, sinh năm 1980, quốc tịch: Nhật Bản, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 10-N8, Phúc Yên 2, số 33 đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền và người phiên dịch theo yêu cầu của bị đơn: Ông Hoàng Đức P, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 35/10 đường Q, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Luật sư Võ Đan Mạch - Công ty Luật TA, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

- Luật sư Lưu Tấn Anh T - Công ty Luật TA, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị Kiều Q là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Q trình bày:

ÔngYu (Quốc tịch Nhật Bản) và bà Nguyễn Thị Kiều Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23/02/2010 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông bà chung sống rất hòa thuận và hạnh phúc. Khoảng hơn 01 năm sau, vợ chồng bắt đầu xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn vì ông T là người dành hết thời gian cho công việc, rất ít khi cùng nhau vun đắp tình cảm gia đình. Hai người mang hai nét văn hóa của hai đất nước khác nhau, bà đã cố gắng trau dồi thêm kiến thức văn hóa của người Nhật Bản để dễ hòa hợp với chồng nhưng ngược lại, ông T lại không chịu tiếp cận cách sống của người Việt Nam, không gần gũi với những người thân trong gia đình bà nên khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn.

Năm 2015, bà quyết định có con chung để gia đình có thể gắn kết hơn khi cùng nhau chăm sóc con nhỏ. Ngày 09/12/2015 bà sinh con chung là cháu Nguyễn N, giới tính nam Sau khi có con, ông T vẫn không thay đổi cách sống của mình, phần lớn thời gian vẫn dành cho công việc, rất ít thời gian quan tâm cho con và không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Sau thời gian dài chịu đựng trước áp lực nặng nề mâu thuẫn gia đình, cuối tháng 12/2017, bà và ông T sống ly thân.

Trong khoảng thời gian sống ly thân, ông T cũng không có động thái nào để thay đổi tình hình. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không thể hòa hợp để duy trì cuộc sống hôn nhân nên ngày 07/8/2018, bà có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T và đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà thừa nhận, năm 2018 bà mang thai với người khác là tự nguyện (không phải là con của ông T nên không cần phải đi thử AND theo yêu cầu của ông T).

Hiện nay bà có chỗ ở ổn định là căn nhà số G25, đường D3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà. Bà là giám đốc điều hành Công ty cổ phần B, có thu nhập ổn định với mức lương 80.000.000 đồng/tháng; ngoài ra bà còn là Phó Chủ tịch X phần mềm Việt Nam. Bà nuôi cháu N phát triển tâm sinh lý tốt, hiện nay cháu đi học tại trường Mầm non Quốc tế

Thành phố Tuổi thơ (Kindy City International Preschool). Ông T đã sống gần 10 năm ở Việt Nam nhưng không giao tiếp cơ bản được Tiếng Việt, còn cháu N thì không nói được Tiếng Nhật dẫn đến việc giao tiếp giữa cha và con rất khó khăn.

Nay Ông T và bà Q đã thuận tình ly hôn, về nợ chung hai bên cùng khai không có và không yêu cầu giải quyết về tài sản; chỉ tranh chấp về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn N.

Bị đơn ông Yu trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Q về quan hệ vợ chồng, về con chung, về nợ chung không có là đúng. Về tài sản chung ông bà có: Căn nhà số G25 đường D3, phường Tân Thới N, Quận Y, căn hộ số T1-B23.04 tọa lạc tại Dự án khu dân cư cao cấp Masteri Thảo Điền, Quận 2, chiếc xe moto nhãn hiệu Dream mang biển số 71-K3 2502 và chiếc xe oto nhãn hiệu Mazda mang biển số 51F-927.22. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Từ năm 2017, bà Q tự ý sống ly thân với ông. Sau đó bà Q đã mang thai và có con với người khác.

ÔngYu đồng ý ly hôn với bà Q và yêu cầu giao cháu N cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng. Hiện nay ông có chỗ ở ổn định tại địa chỉ 33 P, Phường 15, quận T. Hiện ông là kỹ sư công nghệ thông tin tốt nghiệp ở Nhật Bản, có bằng cử nhân Tiếng Anh, đang là Phó Tổng giám đốc Công ty T với mức thu nhập mỗi tháng trên 120.000.000 đồng. Ông sẽ dành nhiều thời gian và bảo đảm được việc chăm sóc cháu N, ông sẽ nhờ người thân qua Việt Nam giúp ông trông coi cháu N. Hơn nữa, bà Q đã sinh con thứ hai nên không có nhiều thời gian chăm sóc cháu N tốt bằng ông. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho ông nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 228/2019/HNGĐ-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều Q. cụ thể:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 23/02/2010 (Số vào sổ đăng ký kết hôn Số 70, Quyển số 01 ngày 03/4/2010) cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn N (giới tính: Nam, sinh ngày 09/12/2015).

Giao cho ôngYu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn N giới tính: Nam sinh ngày 09/12/2015) cho đến khi trẻ Nguyễn N thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Q vì ôngYu không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, Tòa không xét.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Các bên khai không có, Tòa không xét.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 29/3/2019, bà Nguyễn Thị Kiều Q có đơn kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn N.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2020/HNGĐ-PT ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn N (giới tính: Nam, sinh ngày 09/12/2015).

Giao cho ôngYu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn N (giới tính: Nam, sinh ngày 09/12/2015) cho đến khi trẻ Anh thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Q vì ôngYu không yêu cầu.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; về án phí, việc thi hành án và hiệu lực của bản án.

Ngày 04/6/2020, bà Nguyễn Thị Kiều Q có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên.

Ngày 05/02/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2021/KN-HNGĐ đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2020/HNGĐ-PT ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2020/HNGĐ-PT ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều Q, giao cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn N.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2021/HNGĐ-GĐT ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao đã quyết định: Hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2020/HNGĐ-PT ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Kiều Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Q hiện có chỗ ở ổn định, từ khi cháu N sinh ra cho đến nay do bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Q có cho con học tập ở môi trường tốt, mặc dù trước đây bản án phúc thẩm giao cho ôngYu nhưng ôngYu không đến thăm con. Do đó đề nghị Tòa

án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn N sinh ngày 09/12/2015, không yêu cầu ôngYu cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ôngYu và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm giao cho bà Q được tiếp tục nuôi cháu N sinh ngày 09/12/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Q trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ôngYu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng bị đơn ôngYu đều vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn ôngYu là có căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Q và ông T chung sống với nhau có một con chung tên Nguyễn N sinh ngày 09/12/2015. Từ khi cháu Nguyễn N sinh ra cho đến nay, bà Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu N. Từ cuối tháng 12 năm 2017 bà Q và ôngYu sống ly thân, cháu N vẫn tiếp tục ở cùng bà Q. Hiện tại bà Q cũng có mức thu nhập cao, ổn định về tiền lương và có nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi bà Q nuôi dưỡng cháu N từ lúc mới sinh ra cho đến nay tại căn nhà số G25 đường D3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12.

Bà Q cho cháu N đi học tại trường Mầm non Quốc tế Thành phố Tuổi thơ (Kindy City International Preschool) và hiện nay cháu Nguyễn N đang học lớp 1 tại Trường Quốc tế Việt Úc Hoàng Văn Thụ quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét hiện tại cháu Nguyễn N có điều kiện ăn ở, học tập, sinh hoạt rất tốt và ổn định.

Mặc dù ôngYu khai rằng ông có khả năng về kinh tế để nuôi dạy con tốt hơn bà Q nên ông yêu cầu được nuôi con, nhưng ôngYu sử dụng được rất ít tiếngViệt nên sẽ gây ra khó khăn trong việc giao tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Hơn nữa việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N sẽ làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu N, làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu và ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu N.

Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q và lời đề nghị của Luật sư, sửa án sơ thẩm, giao cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

tên Nguyễn N sinh ngày 09/12/2015 cho đến khi Nguyễn N đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Q là người trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu ôngYu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

ÔngYu không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại các Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các Quyết định khác của án sơ thẩm về công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu; Về giấy chứng nhận Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 23/02/2010 (Số vào sổ đăng ký kết hôn Số 70, Quyển số 01 ngày 03/4/2010) cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về tài sản chung; về nghĩa vụ dân sự chung; về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 228/2019/HNGĐ-ST ngày 15-3-2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng các Điều 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị Kiều Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn N giới tính: Nam, sinh ngày 09/12/2015 cho đến khi Nguyễn N đủ 18 tuổi.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Kiều Q không yêu cầu ôngYu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người

trực tiếp nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0015196 ngày 15/4/2019 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm về công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu; Về giấy chứng nhận Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 23/02/2010 (Số vào sổ đăng ký kết hôn Số 70, Quyển số 01 ngày 03/4/2010) cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều Q và ôngYu không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về tài sản chung; về nghĩa vụ dân sự chung; về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)